

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-3-2019

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 562/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp ĐC, xã TT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Mã Trường D, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp ĐC, xã TT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và ông Mã Trường D chung sống với nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, chị và ông D đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2016 đến nay. Nay chị xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên yêu cầu Tòa án ly hôn với ông D.

Về con chung: Chị và ông D có 01 người con chung tên Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 08/11/2014 nhưng giấy khai sinh của con chỉ ghi họ và tên mẹ là Trần Mỹ L (Không có ghi họ và tên cha) hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Mã Trường D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Trần Mỹ L và ông Mã Trường D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cùng có địa chỉ cư trú tại ấp ĐC, xã TT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Mỹ L và Mã Trường D chung sống với nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Trần Mỹ L có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị L đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông Mã Trường D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập ông D hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Mỹ L và ông Mã Trường D không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và ông D không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Trần Mỹ L và ông Mã Trường D là vợ chồng.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị Trần Mỹ L và ông Mã Trường D có Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 08/11/2014, hiện nay đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu giao cháu Trần Ngọc Bảo A cho chị nuôi, không yêu cầu ông D không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị L và ông D sống ly thân với nhau thì cháu A sống chung với chị L, chị L có đủ điều kiện để nuôi con và cuộc sống hiện tại của cháu A ổn định về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc Bảo A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị L và ông D có phát sinh tranh chấp về nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì chị L và ông D đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Tuyên bố chị Trần Mỹ L và ông Mã Trường D không phải là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Trần Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị L và ông D có phát sinh tranh chấp về nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004973 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trần Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mã Trường D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kỳ